

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2020/HS-ST
Ngày 22 – 9 – 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Phú Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Minh Phú;

Ông Nguyễn Đăng Nhu.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phúc Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Ngân Văn T, sinh ngày 01 tháng 4 năm 1997 tại V, Yên Bái; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngân Văn P và bà Hà Thị P; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không.

- Tiền án: Có 02 tiền án, cụ thể:

Tại bản án số 63/2017/HSST ngày 28/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái xử phạt T 9 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 9/8/2018. Chưa được xóa án tích.

Tại bản án số 29/2019/HSST ngày 17/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái xử phạt T 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 25/2/2020. Chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/6/2020, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Phan Thị Kim L – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ: Đường Phạm Văn Đồng, phường Tích Sơn, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

- *Bị hại:*

+ Anh Trần Văn L, sinh năm 1992; trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

+ Chị Tống Thị H, sinh năm 1993; trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

+ Anh Ôn Cát T, sinh năm 1984; trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

+ Chị Cầm Thị T, sinh năm 1993; trú tại: Thôn B, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên, “vắng mặt”.

+ Chị Lò Thị S, sinh năm 1985; trú tại: Bản B, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên, “vắng mặt”.

+ Chị Lương Thị M, sinh năm 1985; trú tại: Thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Sơn La, “vắng mặt”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1994; trú tại: Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên, “vắng mặt”.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Ông Phó Văn V, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 1h ngày 23/6/2020 Ngân Văn T, một mình đi bộ quanh khu vực công trường xây dựng khu B Flamingo Đại Lải thuộc Đ, N, P, Vĩnh Phúc với mục đích trộm cắp tài sản lấy tiền mua ma túy để sử dụng.

T vào tầng 1 căn biệt thự HA17 thấy anh Trần Văn L và vợ Tống Thị H đang nằm ngủ trên tấm gỗ kê trên nền nhà. Quan sát thấy tại vị trí gần phía đầu anh L nằm ngủ có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy Note 8 và 01 chiếc ví giả da, T đến lấy 01 chiếc điện thoại di động nêu trên rồi mở ví lấy số tiền 1.400.000đ, sau đó tiếp tục mở chiếc túi vải của chị H để gần đầu và lấy được số tiền 300.000đ. T cất điện thoại và tiền vừa trộm cắp được vào trong túi quần

đang mặc rồi tiếp tục đi lên tầng 2 căn biệt thự HA18. Quan sát thấy chị Cầm Thị T đang ngủ trên tấm gỗ kê trên nền nhà phía trên đầu có để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, T đến lấy chiếc điện thoại di động nêu trên cất vào trong túi quần đang mặc rồi tiếp tục đi sang tầng 2 căn biệt thự HA20. Quan sát thấy có chị Lò Thị S để 01 chiếc túi vải ngang thân người, T liền lấy chiếc túi vải trên mang ra ngoài kiểm tra thấy bên trong túi có số tiền 850.000đ, T liền lấy cất vào túi quần đang mặc và vứt chiếc túi vải trên vào sọt rác gần đó. T tiếp tục đến lấy 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo của anh Ôn Cát T đang ngủ trên tấm gỗ ép kê trên nền nhà cất vào túi quần đang mặc.

T tiếp tục đi đến căn biệt thự HA19 trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme và 10.000đ của chị Lương Thị M đang ngủ trên tấm gỗ ép kê trên nền nhà. Khi T vừa trộm cắp xong thì bị chị Mai phát hiện hô hoán nên T bỏ chạy đến khu vực chứa téc nước sinh hoạt của công nhân. Khi đến khu vực téc nước T đã cởi chiếc quần đùi đang mặc ra và cất giấu phía sau téc nước để tránh bị phát hiện. Khi mọi người đuổi đến thấy nghi vấn đã kiểm tra và phát hiện chiếc quần đùi T giấu đằng sau téc nước có cất giấu 04 chiếc điện thoại di động vừa trộm cắp được nên đã trình báo cơ quan Công an đến làm việc.

Ngày 23/6/2020, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phúc Yên đã ra yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Phúc Yên tiến hành định giá tài sản đối với toàn bộ tài sản T trộm cắp ngày 23/6/2020.

Tại bản kết luận số 55/KL-HĐĐGTS ngày 23/6/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Phúc Yên xác định: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen đã qua sử dụng, bên trong lắp 02 sim số thuê bao 0813028398, 0823068678, có trị giá 700.000đ.

Tại bản kết luận số 56/KL-HĐĐGTS ngày 23/6/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Phúc Yên xác định: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu đen đã qua sử dụng, bên trong lắp 02 sim số thuê bao 0352817674, 0393033793 và 01 chiếc ốp nhựa, đã qua sử dụng, có trị giá 1.000.000đ.

Tại bản kết luận số 57/KL-HĐĐGTS ngày 23/6/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Phúc Yên xác định: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu đen đã qua sử dụng, bên trong lắp 02 sim số thuê bao 0839863154, 0865467551, có trị giá 1.000.000đ.

Tại bản kết luận số 58/KL-HĐĐGTS ngày 23.6.2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Phúc Yên xác định: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy Note 8 màu đen đã qua sử dụng, bên trong lắp 02 sim số thuê bao 0868083889, 0836350999, có trị giá 2.500.000đ.

T khai quá trình bỏ chạy đã bị rơi mất số tiền 2.560.000đ. Nhưng quá trình điều tra bị cáo thừa nhận đã trộm cắp tổng số tiền 2.560.000đ như các bị hại khai là đúng, nên có đủ cơ sở để khẳng định tổng số tiền mà bị cáo đã trộm cắp là 2.560.000đ, như vậy tổng số tiền và trị giá tài sản bị cáo đã trộm cắp là 7.760.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 57/CT-VKSPY ngày 02/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên truy tố Ngân Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội đối với bị cáo; giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như Cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt Ngân Văn T tù 03 (Ba) năm đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 24/6/2020. Về dân sự: buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Lò Thị S; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật; miễn nộp án phí hình sự, dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

Người bào chữa cho bị cáo T là bà Phan Thị Kim L – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc gửi luận cứ bào chữa: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, bản thân bị cáo và gia đình thuộc hộ nghèo. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và miễn án phí cho bị cáo.

Bị hại là anh L, anh T, chị H, chị T, chị M và chị S, tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra anh L, anh T, chị H, chị T, chị M và chị S trình bày và xác nhận lời khai của bị cáo là đúng. Nay anh L, anh T, chị H, chị , chị M đã nhận lại tài sản bị trộm cắp nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về phần dân sự. Chị S yêu cầu T phải bồi thường cho chị số tiền 850.000đ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn V vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình điều tra anh V khai nhận đã tự nguyện bồi thường cho anh L, chị H 1.500.000đ thay cho T. Anh L, chị H đã nhận và không có yêu cầu đề nghị gì thêm. Anh V cũng không yêu cầu T phải trả lại số tiền trên.

Người làm chứng ông V tuy vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra ông V trình bày như cáo trạng đã nêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử được thực hiện đầy đủ, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Ngân Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên. Lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng; sơ đồ hiện trường; vật chứng vụ án đã thu giữ; kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa. Do đó có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 1 giờ 30 phút ngày 23/6/2020 tại khu vực công trường xây dựng khu B Flamingo Đại Lải thuộc xã N, P, Vĩnh Phúc, Ngân Văn T đã có hành vi trộm cắp gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy Note 8 màu đen cùng sim điện thoại, đã qua sử dụng và 1.400.000 đồng của anh Trần Văn L; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen cùng sim điện thoại, đã qua sử dụng của anh Ôn Cát T; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu đen cùng sim điện thoại, đã qua sử dụng của chị Cẩm Thị T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu đen cùng sim điện thoại, đã qua sử dụng và 10.000đ của chị Lương Thị M; 850.000đ của chị Lò Thị S; 300.000đ của chị Tống Thị H. Tổng trị giá tài sản T trộm cắp là 7.760.000đ.

Do đó có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo Ngân Văn T đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản". Trước khi phạm tội lần này, bị cáo đã bị kết án với tình tiết tăng nặng là tái phạm, chưa được xóa án tích nay lại phạm tội do lỗi cố ý nên phải chịu trách nhiệm hình sự theo tình tiết định khung là tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

[3] Xét vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4] Xét nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào và được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là thành khẩn khai báo; ngoài ra, sau khi phạm tội, anh Nguyễn Văn V đã tự nguyện bồi thường cho anh Trần Văn L và chị Tống Thị H 1.500.000đ thay cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân xấu, đã có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng không lấy đó làm bài học để rèn luyện bản thân, mà vừa chấp hành xong hình phạt tù trong thời gian ngắn lại tiếp tục phạm tội do lỗi cố ý. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù với thời gian như đề nghị của Viện kiểm sát mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định Ngân Văn T là đối tượng nghiện ma túy, không có tài sản, thu nhập và gia đình thuộc hộ nghèo nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 1.400.000đ T trộm cắp của anh Trần Văn L; 300.000đ trộm cắp của chị Tống Thị H. Anh Nguyễn Văn V đã tự nguyện trả giúp T cho vợ chồng anh L, chị H số tiền 1.500.000đ (số tiền 200.000đ còn lại anh L, chị H không yêu cầu T phải trả nữa). Anh L, chị H đã nhận và không có yêu cầu đề nghị gì thêm. Anh V cũng không yêu cầu T phải trả lại số tiền trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với số tiền 10.000đ T trộm cắp của chị Lương Thị M. Chị M không yêu cầu T phải trả lại số tiền trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Quá trình điều tra chị Lò Thị S yêu cầu T phải trả lại số tiền 850.000đ mà T đã trộm cắp. Do vậy, cần buộc T bồi thường cho chị S số tiền 850.000đ.

[6] Về vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an thành phố Phúc Yên đã trả lại: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen đã qua sử dụng, bên trong lắp 02 sim số thuê bao 0813028398, 0823068678 cho anh Ôn Cát T; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu đen đã qua sử dụng, bên trong lắp 02 sim số thuê bao 0352817674, 0393033793 và 01 chiếc ốp nhựa cho chị Cầm Thị T; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu đen đã qua sử dụng, bên trong lắp 02 sim số thuê bao 0839863154, 0865467551 cho chị Lương Thị

M; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy Note 8 màu đen đã qua sử dụng, bên trong lắp 02 sim số thuê bao 0868083889, 0836350999 cho anh Trần Văn L. Anh T, chị T, chị M và anh L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với 01 chiếc quần cộc màu đen, đã qua sử dụng của T dùng để bọc nhằm cất giấu 04 chiếc điện thoại di động do T trộm cắp được, cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Do bị cáo thuộc hộ nghèo theo Giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái cấp Giấy chứng nhận số 123/GCN-HN.HCN ngày 01/01/2020 thuộc danh sách hộ nghèo/cận nghèo năm 2020 và có đơn xin miễn án phí, nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Ngân Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt Ngân Văn T 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 24 tháng 6 năm 2020.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 589, 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc Ngân Văn T phải bồi thường cho chị Lò Thị S số tiền 850.000đ (Tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày chị Lò Thị S có đơn đề nghị thi hành án, mà Ngân Văn T chưa trả được số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc quần cộc màu đen, đã qua sử dụng của Ngân Văn T, (vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 15 tháng 9 năm 2020 giữa Công an thành phố Phúc Yên và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm cho bị cáo Ngân Văn T.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố Phúc Yên;
- Chi cục THADS thành phố Phúc Yên;
- Công an thành phố Phúc Yên;
- Cơ quan THA hình sự có thẩm quyền;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, bộ phận theo dõi THAHS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Phú Lâm